TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2023/DS-PT
Ngày: 06-7- 2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 617/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tạ Thị Đ, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1. Anh Ngô Văn N, sinh năm 1976;

2. Chị Trần Ngọc A, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Ấp Ti, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông N, bà A: Phan Văn D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn Mc, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Theo Giấy ủy quyền lập ngày 19/12/2022 tại Văn phòng Công chứng L, số công chứng 3840, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC-HĐGD.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Tạ Thị Đ trình bày:*

Do chỗ quen biết, bà có cho chị Trần Ngọc A mượn 03 lần tiền như sau:

+ Ngày 16/4/2020 mượn 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thỏa thuận khi nào bà cần lấy lại thì báo trước cho chị A biết;

+ Ngày 15/6 âm lịch/2021 mượn 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thỏa thuận khi nào bà cần lấy lại thì báo trước cho chị A biết;

+ Ngày 20/2/2022 mượn 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thỏa thuận khi nào bà cần lấy lại thì báo trước cho chị A biết. Từ khi mượn tiền chị A có trả được 15.000.000 đồng nên còn thiếu lại bà 35.000.000 đồng.

Cả ba lần mượn tiền này đều có làm biên nhận và hiện chị A còn thiếu bà 75.000.000 đồng.

Thời điểm chị A mượn tiền của bà thì chị A và anh Ngô Văn N là vợ chồng nên chị A và anh N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho bà. Từ khi mượn nợ đến nay đã quá lâu, bà đã nhiều lần yêu cầu chị A, anh N trả lại số tiền đã mượn nhưng chị A anh N không thực hiện như đã cam kết.

Do đó nay bà khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền mượn là 75.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Ngọc A trình bày*: Anh Ngô Văn N là chồng chị. Chị có mượn 03 lần tiền của bà Tạ Thị Đ và hiện còn thiếu bà Tạ Thị Đ tổng số tiền là 75.000.000 đồng như và Đ trình bày. Do có làm đầu thảo hụi nên chị sử dụng số tiền này vào mục đích choàng hụi. Mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là do chị lo, việc chị mượn tiền của bà Đ, anh N không biết. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ chị có ý kiến như sau: Thống nhất có nợ bà Tạ Thị Đ 75.000.000 đồng, đồng ý lãnh trách nhiệm cá nhân trả cho bà Đ số tiền trên nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả cho bà Đ 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do thiếu nợ nhiều người.

** Tại đơn xin vắng mặt bị đơn anh Ngô Văn N trình bày:* Anh là chồng của chị Trần Ngọc A. Việc chị Trần Ngọc A vay tiền với nguyên đơn anh không biết nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 112/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 288; Điều 357; Điều 288; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Đ về việc buộc anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải cùng liên đới trả 75.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải liên đới chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2022, bị đơn anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A kháng cáo bản án sơ thẩm trên với nội dung yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, ông Ngô Văn N không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả đối với số tiền vay, đồng thời cho bà Đ được trả dần số nợ là 3.000.000 đồng/3 tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và Bị đơn Ngô Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị Trần Ngọc A thay đổi kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang với nội dung anh N không đồng ý liên đới cùng chị A trả nợ và chị A xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên anh N và chị A vẫn là vợ chồng, sống chung với nhau. Tại phiên tòa bà Đ không đồng ý cho chị A trả dần. Anh N và chị A kháng cáo

nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới nên căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự, luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của anh Ngô Văn N và Trần Ngọc A còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về tố tụng: Bị đơn có người đại diện theo ủy quyền là đúng theo qui định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của của anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Trần Ngọc A thừa nhận có mượn tiền của bà Tạ Thị Đ và hiện còn thiếu bà Tạ Thị Đ số tiền là 75.000.000 đồng và cũng đồng ý trả cho bà Tạ Thị Đ số tiền này. Do đó, bà Tạ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chị Trần Ngọc A trả số tiền đã vay 75.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới: Xét, yêu cầu của bà Tạ Thị Đ buộc anh Ngô Văn N cùng chịu trách nhiệm liên đới với chị Trần Ngọc A trả số tiền vay 75.000.000 đồng là vì thời điểm chị Trần Ngọc A vay tiền của bà Tạ Thị Đ thì chị giữa chị A và anh Ngô Văn N đang tồn tại quan hệ hôn nhân và trong cuộc sống gia đình chị là người quản lý chi tiêu trong gia đình nên buộc anh Ngô Văn N phải cùng có trách nhiệm liên đới với chị Trần Ngọc A trả nợ cho bà Đ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Anh N kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị A trả nợ cho bà Đ và chị A kháng cáo xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, chị A và anh N không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo và xin trả dần không được bà Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C.

Ý kiến của đại diện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Về án phí : Do kháng cáo chị A, anh N không được chấp nhận nên chị A và anh N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 228 khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 288; Điều 357; Điều 288; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Văn N, chị Trần Ngọc A

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Đ về việc buộc anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải cùng liên đới trả 75.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn N và chị Trần Ngọc A phải liên đới chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, anh chị đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0018338 ngày 30/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C được chuyển sang án phí xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em